

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Liên thông - Cơ khí chuyên Ngành : Cơ khí chuyên dùng Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng 2 Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3310401002	Phạm Doãn	Ba	09/05/1986	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	
2	3310401003	Nguyễn Văn	Bảo	20/08/1986							0.00	0.00			0	
3	3310401004	Nguyễn Văn	Đạt	1982	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	
4	3310401006	Bùi Thảo	Khương	10/06/1988	0						0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
5	3310401007	Vũ Ngọc	Oanh	19/06/1986							0.00	0.00			0	
6	3310401008	Huỳnh Văn	Phê	28/04/1987	4						4.00	1.20	4.00	2.80	4	Học lại
7	3310401001	Nguyễn Duy	Phương	09/04/1987	4						4.00	1.20	2.00	1.40	3	Học lại
8	3310401009	Hồ Võ Trường	Quang	21/08/1983	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
9	3310401010	Dương Văn	Quốc	09/06/1986	1						1.00	0.30	3.00	2.10	2	
10	3310401011	Nguyễn Văn	Tâm	1984	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
11	3310401012	Trần Công	Tân	08/01/1987	3						3.00	0.90	3.00	2.10	3	
12	3310401013	Phạm Toàn	Thắng	05/10/1987	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	Học lại
13	3310401014	Lê Minh	Thái	30/04/1986	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
14	3310401015	Nguyễn Đức	Tính	20/02/1984	7						7.00	2.10	3.00	2.10	4	Học lại
15	3310401016	Võ Văn	Trọng	16/12/1985							0.00	0.00	4.00	2.80	3	
16	3310401017	Bùi Huy	Vũ	27/08/1986	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	Học lại

Tổng: 16.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	0	0.0

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	1	6.3
Trung bình	6	37.5
Không đạt	9	56.3
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa